

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST
Ngày 30-9-2020
*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lý Văn Hòe và ông Bùi Văn Hường

- Thư ký phiên tòa: ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
ông Trương Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV N. **Người đại diện theo pháp luật:** ông Nguyễn Bảo Ng – Giám đốc; địa chỉ: Thôn 6, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

2. Bị đơn: bà Bùi Thị Th; địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Năm 2018, bà Bùi Thị Th đến mua vật liệu xây dựng của Công ty TNHH MTV N. Tổng cộng là 141.901.000 đồng; bà Th hẹn đến 25/12/2018 (âm lịch) sẽ trả toàn bộ số tiền trên, nhưng đến nay vẫn không trả

mặc dù đã được nhắc nợ nhiều lần. Vì vậy, Công ty yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải trả cho Công ty toàn bộ số tiền nợ mua vật liệu xây dựng để làm nhà 141.901.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 25/12/2018 âm lịch (tức ngày 30/01/2019), theo quy định của pháp luật đến ngày xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt. Do vậy, Tòa án niêm yết giải quyết theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ mua vật liệu xây dựng 141.901.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 30/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNHH MTV N khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả tiền mua vật liệu xây dựng để làm nhà. Vì vậy, quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Bà Bùi Thị Th có địa chỉ tại Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV N: buộc bà Th phải trả cho Công ty 141.901.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty và bà Bùi Thị Th (bút lục từ 07 đến 09 bản gốc) có chữ ký và xác nhận của bà Th thì thấy rằng việc mua bán giữa các bên là có thật và thỏa thuận giữa Công ty và bà Th là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự; đến thời điểm Công ty khởi kiện, bà Th chưa trả tiền cho Công ty nên bà phải có nghĩa vụ trả tiền cho Công ty theo thỏa thuận và theo quy định tại

khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với số tiền 141.901.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả theo quy định, tính từ ngày 30/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty và bà Bùi Thị Th, bà Th hện đến ngày 25/12/2018 âm lịch (tức ngày 30/01/2019 dương lịch) sẽ trả hết nợ nhưng đến thời hạn trên bà Th không trả là vi phạm nghĩa vụ, do đó bà Th phải trả lãi trên số tiền chậm trả 141.901.000 đồng kể từ ngày 30/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 (605 ngày) là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Do các bên không thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự thì bà Th phải trả cho Công ty số tiền lãi $(141.901.000 \text{ đồng} \times 605 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm}) = 23.520.585 \text{ đồng}$.

[4]. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 117; Điều 398; Điều 430; Điều 440; Điều 453; khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV N. Buộc bà Bùi Thị Th phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV N tổng số tiền 165.421.585 đồng gồm: tiền mua vật liệu xây dựng 141.901.000 đồng và tiền lãi chậm trả 23.520.585 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: bà Bùi Thị Th phải chịu 8.271.079 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH MTV N 3.548.000 đồng tiền tạm ứng án phí

theo biên lai số **0000972** ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Hồng Nhung

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Tuấn